

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH VINH PHÚC**

Bản án số: 49/2022/HS-ST  
Ngày 24 - 6 - 2022

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH VINH PHÚC**

**- *Lnh phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - chủ tọa phiên toà:* Ông Đỗ Anh Cường

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Minh Tâm

Bà Đỗ Thị Kim Thuý

**- *Thư ký phiên tòa:*** Bà Triệu Mỹ Linh – Thư ký Toà án nhân dân tỉnh  
Vĩnh Phúc

**- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên toà:***  
Ông Vũ Văn Nam - Kiểm sát viên

Ngày 24 tháng 6 năm 2022, tại Toà án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc xét xử  
sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 33/2022/TLST-HS ngày 13 tháng 4  
năm 2022, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2022/QĐXXST-HS ngày  
03/6/2022 đối với bị cáo:

**Nguyễn Văn B**, sinh ngày 22/12/1979; tại: Huyện A, thành phố Hà Nội;  
nơi cư trú: Thôn A, xã A, huyện A, thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Công nhân;  
trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch:  
Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T và bà Lê Thị B; có vợ là Phạm Thị Kim T và  
03 con; tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 01 tháng 10 năm  
2021 đến nay (Có mặt).

**- *Bị hại:***

+ Chị Tạ Thị C, sinh năm 1982; trú tại: Phường D, thành phố Đ, tỉnh  
Vĩnh Phúc (Vắng mặt).

+ Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1979; trú tại: Thôn E, xã A, huyện A,  
thành phố Hà Nội (Có mặt).

+ Anh Nguyễn Viết Ê, sinh năm 1980; trú tại: Thị trấn G, huyện H, tỉnh  
Vĩnh Phúc (Vắng mặt).

**- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:***

+ Chị Phạm Thị Hồng I, sinh năm 1981; trú tại: Phường K, thành phố Đ, tỉnh Vĩnh Phúc (Vắng mặt).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng đầu tháng 9/2021, Nguyễn Văn B biết thông tin chị Tạ Thị C đang công tác tại Hội Liên hiệp Phụ nữ thành phố Đ muốn phấn đấu để được bổ nhiệm chức vụ lãnh đạo trong Hội. B đã nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của chị C bằng cách hứa hẹn sẽ giúp cho chị C được bổ nhiệm chức vụ Phó chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ thành phố Đ. Sau đó, B sử dụng tài khoản Facebook “Nguyễn Dũng” để kết bạn và nhắn tin với tài khoản Facebook “C Ta” của chị C. Khi nhắn tin, B mạo danh là ông Trần Văn Hòa, đang giữ chức vụ Phó Giám đốc Sở Nội vụ tỉnh Vĩnh Phúc. Để chị C tin tưởng, B lên mạng Internet tải và gửi ảnh chân dung của ông Hòa đồng thời nhắn các số điện thoại 0976992556 và 0398915011 của mình cho chị C. Để tăng mức độ tin tưởng, B còn khoe với chị C các mối quan hệ với một số lãnh đạo ở thành phố Đ và tỉnh Vĩnh Phúc. Đồng thời, B nói rằng thời gian tới trên địa bàn tỉnh sẽ kiện toàn công tác cán bộ, biết chị C công tác đã lâu, có năng lực nên sẽ giúp chị C được bổ nhiệm chức vụ Phó chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ thành phố Đ bằng cách nhờ “ông B” đang công tác ở Bộ Nội vụ giúp đỡ cho chị C. B gửi cho chị C số điện thoại 0978211980 của “ông B Bộ Nội vụ” để chị C liên lạc nhờ ông B giúp (Thực tế đây là số điện thoại của B). Do tin tưởng, nghĩ người có tài khoản Facebook “Nguyễn Dũng” chính là ông Trần Văn Hòa đang giữ chức vụ Phó Giám đốc Sở Nội vụ tỉnh Vĩnh Phúc nên chị C đã liên lạc theo số điện thoại 0978211980 để nhờ giúp đỡ. B nghe máy, tự xưng tên là “B - công tác ở Bộ Nội vụ” và nói với chị C là ông Hòa đã giới thiệu và nhờ B giúp đỡ trong việc bổ nhiệm chức vụ Phó chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ thành phố Đ. Do là chỗ ông Hòa giới thiệu nên B mới đồng ý giúp và sẽ giúp được. Để chị C tin tưởng, B tiếp tục đóng vai ông Hòa thường xuyên liên lạc, động viên, thúc giục chị C cố gắng nhờ ông B cán bộ Bộ Nội vụ giúp, ông B mà đồng ý thì chắc chắn chị C sẽ được bổ nhiệm theo ý muốn.

Vào các ngày 24 và 29/9/2021, dưới vai “ông B cán bộ Bộ Nội vụ”, B đã gặp chị C 02 lần tại các quán cà phê ở thành phố Đ. Khi gặp, B nói với chị C là do được ông Hòa giới thiệu nên B chỉ lấy chi phí quà cáp giúp chị C được bổ nhiệm là 250.000.000đ, chị C đồng ý. Sáng ngày 01/10/2021, B hẹn chị C đến quán cafe 468 ở khu đô thị Đồng Sơn, thành phố Đ. Tại đây, chị C đã đưa cho B số tiền 50.000.000đ cùng hồ sơ là bản sao các văn bằng chứng chỉ của mình, chị C nói với B sẽ đưa số tiền còn lại là 200.000.000đ khi có Quyết định bổ

nhệm. B đồng ý và cầm số tiền 50.000.000 đồng. Khi B vừa ra khỏi quán cà phê thì bị Cơ quan An ninh điều tra - Công an tỉnh Vĩnh Phúc phát hiện, bắt quả tang. Thu giữ của Nguyễn Văn B các tang vật gồm: Số tiền 50.000.000đ, 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO gắn thẻ sim số thuê bao 0398915011 và 0978211980 và hồ sơ gồm các bản sao các quyết định, chứng chỉ, bằng tốt nghiệp, giấy chứng nhận của chị Tạ Thị C.

Kết quả khám xét khẩn cấp chỗ ở của Nguyễn Văn B tại thôn Ấ, xã Ấ, huyện A, thành phố Hà Nội, Cơ quan điều tra đã thu giữ 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA gắn thẻ sim số thuê bao 0976992556.

Làm việc với ông Trần Văn Hòa - Phó Giám đốc Sở Nội vụ tỉnh Vĩnh Phúc xác định ông Hòa không quen biết, không có mối quan hệ gì với Nguyễn Văn B và chị Tạ Thị C. Không có ai thuê hay nhờ ông Hòa giúp bổ nhiệm cho chị C, việc bổ nhiệm cán bộ phải thực hiện theo đúng quy trình và quy định của pháp luật.

Ngoài ra quá trình điều tra làm rõ trong thời gian từ tháng 5/2019 đến tháng 10/2020, Nguyễn Văn B còn thực hiện 02 vụ lừa đảo chiếm đoạt tài sản khác. Cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Tháng 5/2019, khi đi họp lớp cấp II, B gặp bạn học cũ là chị Nguyễn Thị L. B trao đổi số điện thoại, kết bạn Zalo với chị L. B sử dụng tài khoản Zalo là “Bình Nguyen”, chị L sử dụng tài khoản Zalo của là “Khoảng Trống”. Sau đó, B và chị L thường xuyên liên lạc, nói chuyện với nhau. Quá đó, B biết được chị L có nguyện vọng chuyển công tác từ trường mầm non M A, thị trấn M, huyện A về Phòng Giáo dục đào tạo huyện A. B đã nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền của chị L bằng cách hứa hẹn giúp cho chị L chuyển công tác. B nói dối chị L là bản thân có quen biết, có mối quan hệ thân thiết với ông Hà Quang N - Phó Chủ tịch UBND huyện A và lãnh đạo Phòng Giáo dục đào tạo, Phòng Nội vụ UBND huyện A, sẽ giúp chị L được chuyển công tác, chị L tin tưởng, đồng ý nhờ B giúp.

Tháng 12/2019, B nói dối chị L là ở Phòng Giáo dục đào tạo huyện A đang thiếu một vị trí nhân viên, mức lương ở vị trí công tác mới chắc chắn sẽ cao hơn lương hiện tại của chị L. Nếu chị L muốn chuyển công tác thì đưa cho B chi phí 70.000.000đ. B hứa sẽ có quyết định chuyển công tác cho chị L trong tháng 4/2020. Do tin tưởng B nói thật nên chị L đồng ý. Trước Tết Nguyên đán năm 2020, chị L đến nhà B ở thôn Ấ, xã Ấ đưa cho B số tiền 30.000.000đ. Sau Tết Nguyên đán năm 2020, tại khu vực cầu Ấ, thôn Ngọc Trì, xã Ấ chị L tiếp tục đưa cho B thêm 30.000.000đ, chị L xin nợ lại 10.000.000 đồng. Đến tháng 4/2020, chị L nhiều lần hỏi B về việc chuyển công tác nhưng B nói là phải đợi. Ngày 02/5/2020, B đã bảo chị L viết đơn xin chuyển công tác để B nộp cho Phòng Nội vụ huyện A, chị L đã tin tưởng làm theo. Khoảng 1-2 ngày sau, B

đóng giả là cán bộ Phòng Nội vụ huyện A gọi điện cho chị L, nói rằng Phòng Nội vụ huyện A đã nhận được đơn xin chuyển công tác của chị L và sẽ xem xét giải quyết trong thời gian sớm. Sau đó, B bảo chị L là để cho việc chuyển công tác được thuận lợi nhanh chóng phải đưa thêm 40.000.000đ nữa thì mới lo xong việc chuyển công tác. Chị L trình bày hoàn cảnh khó khăn, số tiền B yêu cầu lớn sẽ không lo được. B nói là nếu không đưa thêm tiền thì sẽ mất khoản tiền 60.000.000đ đã đưa trước đó. Do sợ bị mất tiền và muốn được nhanh chóng chuyển công tác nên chị L đồng ý. Trong thời gian từ tháng 5 đến tháng 6/2020, chị L đến nhà B 02 lần đưa thêm cho B số tiền 38.000.000đ. Tổng cộng 04 lần chị L đã đưa cho B số tiền là: 98.000.000đ. B hứa với chị L tháng 8/2020 sẽ có quyết định chuyển công tác cho chị L. Tuy nhiên, sau khi nhận số tiền 98.000.000đ của chị L, B không đưa cho ai mà tiêu xài cá nhân hết, B cũng không làm gì để giúp chị L được chuyển công tác.

Vào cuối năm 2020 đầu năm 2021, chị L nhiều lần hỏi B về việc chuyển công tác của mình, B đều nói dối là đã đưa tiền cho ông Hà Quang N - Phó Chủ tịch UBND huyện A để xin chuyển công tác cho chị L, bảo chị L cứ yên tâm. Tháng 4/2021, chị L bảo B nếu không xin được chuyển công tác thì trả lại tiền cho chị L, B lấy lý do là đã đưa tiền cho lãnh đạo huyện A, khi nào đòi lại được tiền B sẽ trả. Sau đó chị L nhiều lần trình bày hoàn cảnh khó khăn, con ốm phải đi viện, nhờ B giúp đi đòi lại tiền để đưa con đi viện phẫu thuật, B đã chuyển khoản trả cho chị L số tiền 10.000.000đ.

Kết quả khám xét khẩn cấp chỗ ở của Nguyễn Văn B tại thôn Ấ, xã Ấ, A, Hà Nội, Cơ quan điều tra đã thu giữ Đơn xin chuyển công tác đề ngày 02/5/2020 của chị Nguyễn Thị L.

Kết quả giám định trích xuất dữ liệu và bản in ảnh chụp màn hình điện thoại của chị Nguyễn Thị L cung cấp hiện vẫn còn nội dung liên lạc Zalo giữa chị L với bị can B từ ngày 12/6/2020 đến ngày 24/9/2021, nội dung liên lạc có nội dung thể hiện việc chị L thúc giục B xin chuyển công tác cho chị L, yêu cầu B đòi tiền, trả lại cho chị L.

Kết quả xác minh tại Phòng Nội vụ huyện A xác định: Thời gian năm 2019- 2020, UBND huyện A không tiếp nhận hồ sơ xin chuyển công tác của chị Nguyễn Thị L.

Kết quả làm việc với ông Hà Quang N giữ chức vụ Chủ tịch UBND huyện A trong thời gian từ năm 2010 đến tháng 10/2020 xác định ông Tuấn không quen biết, không có mối quan hệ gì với Nguyễn Văn B và chị Nguyễn Thị L, từ trước đến nay không có ai nhờ hay thuê anh Tuấn để chuyển công tác cho chị L.

Vụ thứ hai: Khoảng đầu năm 2020, B quen biết với chị Phạm Thị Hồng I SN 1981, trú tại phường K, thành phố Đ, tỉnh Vĩnh Phúc, đang làm tại Ban dân vận Lnh ủy Đ. Quá trình quen biết, nhiều lần B nói dối I là B có bạn bè, người nhà công tác ở Bộ Nội vụ, có mối quan hệ quen biết với lãnh đạo Sở Nội vụ tỉnh Vĩnh Phúc và lãnh đạo thành phố Đ. B đã giúp cho nhiều người vào được biên chế Nhà nước, nếu I có người nhà, bạn bè cần chạy vào biên chế Nhà nước thì B sẽ giúp.

Tháng 9/2020, Sở Nội vụ tỉnh Vĩnh Phúc tổ chức kỳ tuyển dụng công chức tại các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh. Anh Nguyễn Viết Ê khi đó đang công tác tại Ban Dân vận Lnh ủy Đ thuộc diện phải tham gia kỳ tuyển dụng này. Do thời gian chuẩn bị thi ngắn, tâm lý lo sợ thi trượt nên anh Ê nhiều lần nói chuyện này với chị Phạm Thị Hồng I. I nhớ lại việc nhiều lần B nói là có thể giúp chạy vào biên chế Nhà nước nên I bảo anh Ê là I có quen một người có thể giúp anh Ê thi đỗ. Ê nhờ I hỏi giúp. Sau đó, Chị I đã nói chuyện về việc tham dự kỳ tuyển dụng công chức của anh Ê và hỏi B có giúp được Ê thi đỗ hay không. B nói dối I là chắc chắn giúp được cho Ê đỗ vì B có bạn và cháu làm ở Bộ Nội vụ lần này về công tác và làm trong hội đồng thi. I tin là B nói thật và bảo sẽ cho số điện thoại của B cho anh Ê liên lạc. I dặn B cứ giới thiệu với anh Ê tên là “Anh” vì I không muốn người khác biết về quan hệ của I và B. Sau đó, I cho anh Ê số điện thoại 0398915011 (Số của B) để anh Ê liên lạc nhờ anh “Anh” giúp thi đỗ. Sau đó, anh Ê đã gọi điện theo số điện thoại I cho. B nghe máy, giới thiệu tên là “Anh” công tác ở Bộ Nội vụ, chắc chắn sẽ giúp cho Ê thi đỗ, chi phí hết 60.000.000đ, phải đưa trước một nửa trước khi thi, số tiền còn lại ngay sau khi thi phải đưa nốt để B lo việc. Do không muốn Ê gặp mặt, nên B bảo Ê phải chuyển tiền qua I. Anh Ê tin tưởng là thật nên đồng ý. Sau đó, B đã nhờ chị I nhận tiền từ anh Ê hộ B, chị I đồng ý.

Sáng 28/9/2020, anh Ê nhờ chị I hỏi “Anh” xem việc thi cử ngày mai thế nào, có thể bớt chi phí cho anh Ê được không. I đã gọi điện hỏi B thì B nói là không bớt được tiền, thỏa thuận ban đầu như thế nào cứ thế mà làm. B dặn I bảo anh Ê ngày mai đi thi cứ yên tâm, đã có bạn và cháu B trong hội đồng thi, B đã bố trí rồi. Chị I thông báo lại cho anh Ê biết và nhắn tin qua Zalo số tài khoản của mình để cho anh Ê chuyển tiền. Anh Ê bảo vợ là chị Lê Thị Hà, sinh ngày 10/9/1988 chuyển số tiền 30.000.000đ từ tài khoản số 100005842295 của chị Hà mở tại ngân hàng Vietinbank vào tài khoản số 2890215012970 mở tại ngân hàng Agribank chi nhánh Vĩnh Phúc II của I. Khi tiền về tài khoản, I thông báo cho B biết. Ngày 29/9/2020, B bảo I chuyển khoản 10.000.000đ đến số tài khoản 2890215031930 mở tại ngân hàng Agribank chi nhánh Vĩnh Phúc II của chị Nguyễn Thị Thanh Tâm sinh năm 1983, là giáo viên trường Tiểu học D, thành phố Đ để trả nợ tiền B đã vay của chị Tâm trước đó. Ngày 01/10/2020,

B bảo chị I chuyển khoản nốt số tiền 20.000.000đ còn lại vào tài khoản của B số 3160205261618 mở tại ngân hàng Agribank chi nhánh Sóc Sơn.

Ngày 29/9/2020, anh Ê tham dự kỳ tuyển dụng công chức. Khi vào phòng thi, anh Ê quên không để điện thoại ở ngoài và bị Giám thị coi thi nhắc nhở và yêu cầu anh Ê mang điện thoại ra ngoài phòng thi. Sau đó, anh Ê vẫn được tiếp tục thi. Buổi trưa cùng ngày B ngồi uống nước ở công viên thành phố Đ nghe được những người khác nói chuyện thông tin này. Buổi tối cùng ngày B gọi điện cho anh Ê, nói rằng anh Ê đã vi phạm quy chế thi, phải đưa thêm 40.000.000đ đồng nữa thì mới không bị lập biên bản, hủy kết quả thi và phải đưa luôn cùng số tiền 30.000.000đ còn thiếu theo thỏa thuận ban đầu. Anh Ê bảo số tiền lớn quá sợ không thu xếp được, B bảo anh Ê cố gắng thu xếp đưa tiền cho B, nếu không thì sẽ bị thi trượt và mất luôn số tiền 30.000.000đ đã đưa từ trước. B yêu cầu anh Ê phải đưa tiền mặt qua chị I cho B, anh Ê đồng ý. Khoảng 1-2 ngày sau, anh Ê đến đưa số tiền mặt 70.000.000đ cho chị I. Sau đó, I đã đưa toàn bộ số tiền này cho B.

Cuối tháng 10/2020, thấy những người đi thi cùng mình đã có thông báo trúng tuyển nhưng bản thân chưa có kết quả, anh Ê có một số lần hỏi B việc giúp anh Ê thi đỗ như thế nào. B đều nói là vẫn đang giúp anh Ê, cứ yên tâm. Sau đó một thời gian, anh Ê tự tìm hiểu và biết trong hồ sơ cán bộ của mình còn thiếu chứng chỉ ngoại ngữ nên vẫn chưa có quyết định trúng tuyển. Vì vậy anh Ê đã hoàn thiện hồ sơ, đến tháng 01/2021, anh Ê được thông báo trúng tuyển kỳ tuyển dụng công chức nêu trên.

Đối với số tiền 100.000.000đ, sau khi nhận tiền của anh Ê, B không đưa tiền cho ai, cũng không làm gì để giúp anh Ê thi đỗ mà đã tiêu xài cá nhân hết. Chị I không được hưởng lợi gì từ việc này.

Quá trình điều tra, chị Phạm Thị Hồng I đã cung cấp sao kê tài khoản thể hiện việc chị Hà - vợ anh Ê chuyển khoản 30.000.000đ vào ngày 28/9/2020 và việc I chuyển khoản 10.000.000đ cho chị Tâm, chuyển khoản 20.000.000đ cho bị can B như nêu trên.

Kết quả xác minh tại Sở Nội vụ tỉnh Vĩnh Phúc xác định: Ngày 29 và 30/9/2020, tại tỉnh Vĩnh Phúc chỉ có 01 kỳ tuyển dụng công chức chung cho cả tỉnh, Hội đồng tuyển dụng có 07 đồng chí được thành lập theo Quyết định số 2009/QĐ-TU ngày 01/9/2020 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy do ông Vũ Việt Văn- Phó Chủ tịch UBND tỉnh là Chủ tịch hội đồng. Trong hội đồng thì không có thành viên ở Bộ Nội vụ. Trong danh sách công nhận kết quả trúng tuyển công chức đơn vị Lnh ủy Đ ban hành kèm theo Quyết định số 2033-QĐ/TU ngày 09/10/2020 của Ban thường vụ Tỉnh ủy Vĩnh Phúc, thí sinh Nguyễn Viết Ê ở vị trí số thứ tự 15, số báo danh 201, điểm thi phỏng vấn là 51.0, kết quả: Trúng tuyển. Ngoài ra, tại kỳ tuyển dụng này không có thí sinh nào vi phạm quy chế

thi, Kỳ tuyển dụng được tổ chức thực hiện đảm bảo đúng các quy định hiện hành.

Đối với Phạm Thị Hồng I, quá trình điều tra xác định: Trong khi quen biết B nói có bạn bè, người nhà công tác ở Bộ Nội vụ, có mối quan hệ quen biết với lãnh đạo Sở Nội vụ tỉnh Vĩnh Phúc và lãnh đạo thành phố Đ. B đã giúp cho nhiều người vào được biên chế Nhà nước, nếu I có người nhà, bạn bè cần chạy vào biên chế Nhà nước thì B sẽ giúp. Chị I tin tưởng, nghĩ là B nói thật vì vậy I đã giới thiệu để anh Nguyễn Viết Ê nhờ B giúp thi đỗ kỳ tuyển dụng công chức. Chị I không có sự bàn bạc, thỏa thuận với bị can B, không biết mục đích của B lừa đảo chiếm đoạt tài sản của anh Ê. Chị I cũng không được hưởng lợi gì từ việc giới thiệu B. Do đó, xác định chị I không đồng phạm với Nguyễn Văn B. Vì vậy cơ quan điều tra không có căn cứ xử lý về hình sự đối với chị I.

Đối với chị Nguyễn Thị Thanh Tâm, quá trình điều tra xác định: Vào tháng 7/2021, chị Tâm cho Nguyễn Văn B vay tiền số tiền 40.000.000 đồng. Ngày 29/9/2020, theo yêu cầu của B chị I đã chuyển khoản cho Tâm số tiền 10.000.000đ là để trừ nợ cho B. Chị Tâm không biết gì về hành vi phạm tội của B, không có sự bàn bạc, thỏa thuận với bị can B trong việc chiếm đoạt tài sản của anh Ê. Vì vậy cơ quan điều tra không có căn cứ xử lý về hình sự đối với chị Tâm.

Ngoài ra, trong quá trình khám xét chỗ ở của Nguyễn Văn B tại thôn Ấ, xã Ấ, Cơ quan điều tra đã thu giữ được 01 bộ hồ sơ kèm theo đơn xin việc vào làm Kế toán tại Bệnh viện Đa khoa Khu vực Đ đề ngày 30/11/2020 của chị Đặng Thị O, sinh năm 1990, trú tại: Tổ dân phố Ô 3, phường D, thành phố Đ. Kết quả điều tra làm rõ: Đầu tháng 11/2020, thông qua chị họ là Đỗ Thị O sinh năm 1982, trú tại Tổ dân phố Ô 2, phường D, thành phố Đ chị O quen biết với Nguyễn Văn B. Chị O đã cho B vay số tiền 120.000.000đ. B viết giấy biên nhận vay tiền, có chị Quyên làm chứng. Sau đó, chị O đã chủ động nhờ B xin giúp mình vào làm Kế toán tại Bệnh viện Đa khoa khu vực Đ. Căn cứ các tài liệu đã thu thập được và kết quả điều tra đến nay xác định: Khoản tiền 120.000.000đ chị O đã đưa cho B là quan hệ vay mượn, là thỏa thuận dân sự giữa hai bên với nhau, không liên quan đến việc chị O nhờ B xin việc. Trong quá trình điều tra, đề nghị tự giải quyết và thỏa thuận với gia đình B, ngoài ra không có đề nghị gì khác. Vì vậy, không có cơ sở để xử lý hình sự đối với B về khoản tiền này.

Về vật chứng, tài sản thu giữ:

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, bên trong lắp 02 thẻ sim số thuê bao 0398915011 và 0978211980; 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA, bên trong lắp 01 thẻ sim số thuê bao 0976992556 thu giữ của Nguyễn Văn B. Quá trình điều tra làm rõ, đây là tài sản của B và được sử dụng vào việc phạm tội. Do đó cần tịch thu bán sung quỹ nhà nước.

- Số tiền 50.000.000đ thu giữ ngày 01/10/2021. Căn cứ kết quả điều tra xác định số tiền này là tài sản hợp pháp của chị Tạ Thị C đã bị Nguyễn Văn B chiếm đoạt. Vì vậy Cơ quan điều tra đã ra Quyết định xử lý vật chứng, trả lại số tiền này cho chị C.

- 03 điện thoại gồm: 01 điện thoại di động nhãn hiệu iPhone, bên trong lắp thẻ sim số thuê bao 0982248312 do chị Tạ Thị C giao nộp; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone do chị Nguyễn Thị L giao nộp; 01 điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG do chị Phạm Thị Hồng I giao nộp. Kết quả điều tra xác định đây là tài sản hợp pháp của các chị Nguyễn Thị C, Nguyễn Thị L, Phạm Thị Hồng I. Vì vậy sau khi giám định, trích xuất dữ liệu phục vụ công tác điều tra vụ án, Cơ quan điều tra đã ra Quyết định xử lý vật chứng, trả lại điện thoại cho các chị C, L và I.

- Đối với các tài liệu gồm: 01 bộ bản sao hồ sơ văn bằng chứng chỉ của chị Tạ Thị C thu giữ từ Nguyễn Văn B ngày 01/10/2021; 01 Đơn xin chuyển công tác đề ngày 02/5/2020 của chị Nguyễn Thị L viết, thu giữ trong quá trình khám xét chỗ ở của bị can Nguyễn Văn B; 102 tờ tài liệu bản in ảnh chụp màn hình chị Nguyễn Thị L giao nộp ngày 03/10/2021; 05 tờ sao kê tài khoản ngân hàng, chị Phạm Thị Hồng I giao nộp ngày 04/10/2021; 22 trang tài liệu bản in cuộc trò chuyện Zalo giữa anh Nguyễn Viết Ê với Phạm Thị Hồng I, do anh Ê giao nộp ngày 03/10/2021; 01 giấy biên nhận vay tiền đề ngày 23/11/2020 bị can Nguyễn Văn B viết, do chị Đặng Thị O giao nộp; 01 bộ hồ sơ xin việc vào làm Kế toán tại Bệnh viện Đa khoa khu vực Đ mang tên Đặng Thị O, thu giữ khi khám xét chỗ ở của Nguyễn Văn B. Đây là các tài liệu chứng cứ của vụ án. Do đó cần lưu giữ và chuyển theo hồ sơ vụ án.

Về trách nhiệm dân sự:

Trong quá trình điều tra, chị Tạ Thị C không có yêu cầu, đề nghị gì. Chị Nguyễn Thị L yêu cầu Nguyễn Văn B phải trả lại số tiền đã chiếm đoạt là 88.000.000đ. Anh Nguyễn Viết Ê yêu cầu Nguyễn Văn B phải trả lại số tiền bị chiếm đoạt là 100.000.000đ. Trong quá trình chuẩn bị xét xử vợ bị cáo Nguyễn Văn B đã bồi thường cho chị Nguyễn Thị L 88.000.000đ, chưa bồi thường cho anh Nguyễn Viết Ê. Vì vậy, cần buộc B phải có trách nhiệm hoàn trả toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt theo yêu cầu của anh Ê.

Tại bản Cáo trạng số 40/CT-VKS-P1 ngày 10/4/2022 Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn B về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc phát biểu quan điểm, phân tích tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo và đề



ngợi Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn B phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Đề nghị áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 xử phạt: Nguyễn Văn B từ 08 năm đến 09 năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt 01/10/2021.

Không đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự: Tịch thu bán sung quỹ nhà nước 02 điện thoại di động đã thu giữ của Nguyễn Văn B vì đã sử dụng vào việc phạm tội.

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự, các Điều 584, 585 và Điều 589 Bộ luật Dân sự: Buộc Nguyễn Văn B phải có trách nhiệm hoàn trả cho anh Nguyễn Viết Ê số tiền là 100.000.000đ.

Bị cáo nói lời sau cùng, do điều kiện hoàn cảnh đã vi phạm pháp luật nên rất ăn năn hối lỗi về hành vi phạm tội của mình, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt và cho các bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra tỉnh Vĩnh Phúc, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Quá trình điều tra và xét hỏi công khai tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn B đã khai nhận rõ toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai của bị cáo phù hợp với nhau và phù hợp với các tình tiết khách quan đã được cơ quan Cảnh sát điều tra thu thập có trong hồ sơ vụ án, đúng với hành vi phạm tội của bị cáo. Như vậy, Hội đồng xét xử một lần nữa có đủ cơ sở kết luận như sau: Trong thời gian từ tháng 5/2019 đến tháng 10/2021, Nguyễn Văn B đã dùng thủ đoạn gian dối, giả danh các cán bộ, lãnh đạo cơ quan nhà nước thực hiện 03 vụ lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người khác. Cụ thể:

**Vụ thứ nhất:** Khoảng tháng 5/2019, Nguyễn Văn B đã nói dối chị Nguyễn Thị L là có mối quan hệ thân thiết với các Lãnh đạo của Ủy ban nhân dân, Phòng Giáo dục đào tạo, Phòng Nội vụ huyện A, sẽ giúp chị L chuyển công tác, chị L tin tưởng và nhờ B giúp. Trong khoảng thời gian trước Tết

Nguyên đán năm 2020 đến tháng 6/2020, chị L đã 04 lần đưa cho B tổng số tiền là 98.000.000đ.

**Vụ thứ hai:** Tháng 9/2020, Nguyễn Văn B đã nói dối anh Nguyễn Viết Ê là cán bộ của Bộ Nội vụ và có người nhà làm trong Hội đồng thi trong kỳ thi tuyển dụng cán bộ, công chức do Sở Nội vụ tỉnh Vĩnh Phúc tổ chức sẽ giúp cho Ê thi đỗ công chức, anh Ê phải đưa cho B số tiền là 100.000.000đ, anh Ê tin tưởng và nhờ B giúp đỡ. Trong khoảng thời gian từ cuối tháng 9, đầu tháng 10/2020, anh Ê đã 02 lần đưa B với tổng số tiền là 100.000.000đ.

**Vụ thứ ba:** Khoảng đầu tháng 9/2021, Nguyễn Văn B đã nói dối là cán bộ của Bộ Nội vụ, lãnh đạo Sở Nội vụ tỉnh Vĩnh Phúc hứa sẽ giúp chị Tạ Thị C được bổ nhiệm chức vụ lãnh đạo trong Hội Liên hiệp Phụ nữ Lnh phố Đ. B lấy chi phí giúp chị C bổ nhiệm giữ chức vụ lãnh đạo là 250.000.000đ, chị C tin tưởng nhờ B giúp. Sáng ngày 01/10/2021, B gặp chị C tại quán cafe 468 ở khu đô thị Đồng Sơn, thành phố Đ, tỉnh Vĩnh Phúc. Tại đây, chị C đã đưa cho B số tiền 50.000.000đ cùng hồ sơ là bản sao các văn bằng chứng chỉ của mình. Chị C nói với B sẽ đưa nốt số tiền còn lại là 200.000.000đ khi có Quyết định bổ nhiệm. B đồng ý và cầm 50.000.000đ. Khi B vừa ra khỏi quán cà phê thì bị Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Vĩnh Phúc bắt quả tang cùng toàn bộ tang vật.

Tổng số 03 lần thực hiện hành vi lừa đảo, bị cáo đã chiếm đoạt 238.000.000đ.

[3] Xét lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ, có đủ cơ sở để kết luận bị cáo Nguyễn Văn B đã phạm vào tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015. Tại điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015 quy định:

*“3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:*

*a) Chiếm đoạt tài sản trị giá 200.000.000đ đến dưới 500.000.000đ”.*

[4] Xét tính chất của vụ án là nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người bị hại, gây mất trật tự trị an tại địa phương, ảnh hưởng đến uy tín của cán bộ và cơ quan Nhà nước trong quá trình tuyển dụng và bổ nhiệm cán bộ. Thực tế bị cáo không có khả năng xin chuyển công tác, tuyển dụng công chức, nhưng bị cáo đã lợi dụng sự quen biết, lòng tin của người bị hại để lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người khác nhằm mục đích tiêu xài cá nhân. Vì vậy, cần xử phạt bị cáo với mức án tương xứng với tính chất, mức độ của hành vi phạm tội. Khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết tăng

nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo để quyết định mức hình phạt có tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo và đấu tranh phòng ngừa tội phạm.

[5] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo được xem xét khi quyết định hình phạt: Trước khi phạm tội bị cáo là người có nhân thân tốt, quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, tích cực tác động gia đình bồi thường cho bị hại, người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, Hội đồng xét xử sẽ xem xét để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

[6] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo bị áp dụng tình tiết phạm tội hai lần trở lên theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[7] Về hình phạt bổ sung: Hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn, hiện không có việc làm, ba con còn nhỏ. Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[8] Đối với Phạm Thị Hồng I, quá trình điều tra xác định: Chị I tin tưởng, nghĩ là B nói thật vì vậy I đã giới thiệu để anh Nguyễn Viết Ê nhờ B giúp thi đỗ kỳ tuyển dụng công chức. Chị I không có sự bàn bạc, thỏa thuận với B, không biết mục đích của B lừa đảo chiếm đoạt tài sản của anh Ê. Chị I cũng không được hưởng lợi gì từ việc giới thiệu B. Vì vậy cơ quan điều tra không đề nghị xử lý về hình sự đối với chị I là có căn cứ.

[9] Về vật chứng, tài sản thu giữ: 02 điện thoại di động thu giữ của Nguyễn Văn B. Quá trình điều tra làm rõ, đây là tài sản của B và được sử dụng vào việc phạm tội, cần tịch thu phát mai sung quỹ nhà nước.

[10] Về trách nhiệm dân sự: Anh Nguyễn Viết Ê yêu cầu Nguyễn Văn B phải trả lại số tiền bị chiếm đoạt là 100.000.000đ. Đến nay Nguyễn Văn B vẫn chưa bồi thường gì. Vì vậy, cần buộc B phải có trách nhiệm hoàn trả toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt theo yêu cầu của anh Ê.

[11] Về án phí:

Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Nguyễn Văn B phải chịu 200.000đ.

Án phí dân sự trong án hình sự: Theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án thì từ trên 6.000.000 đồng đến 400.000.000 đồng phải chịu 5% giá trị tài sản phải bồi thường. Nguyễn Văn B phải bồi thường 100.000.000đ x 5% = 5.000.000đ.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Ê bố: Nguyễn Văn B phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 xử phạt: Nguyễn Văn B 08 năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt 01/10/2021.

Áp dụng Điều 46; 47; Điều 106; Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 48 Bộ luật Hình sự; các Điều 584, 585 và Điều 589 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Tịch thu phát mại sung quỹ nhà nước 02 điện thoại di động đã thu giữ của Nguyễn Văn B (Các vật chứng có đặc điểm như biên bản giao nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày 14/4/2022).

Buộc Nguyễn Văn B phải trả cho anh Nguyễn Viết Ê 100.000.000đ.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không chịu thi hành số tiền trên, thì hàng tháng còn phải chịu số tiền lãi theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về án phí:

Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Nguyễn Văn B phải nộp 200.000đ.

Án phí dân sự trong án hình sự: Bị cáo Nguyễn Văn B phải nộp 5.000.000đ.

Bị cáo Nguyễn Văn B, bị hại có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

### **Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- Công an tỉnh Vĩnh Phúc;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Vĩnh Phúc;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Phúc;
- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc;

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà**  
**(Đã ký)**

- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu HS + HS.

**Đỗ Anh Cường**